

# NGHIÊN CỨU Y HỌC

Journal of Medical Research

Supplement, Volume 80, N<sup>o</sup>3B - July, 2012

Nghiên cứu phát triển kỹ thuật RT - LAMP chuẩn đoán Virus dại

Đột biến GEN COL1A2 ở bệnh viện nhi tạo xương bất toàn

Nồng độ Cystatin C máu và Chức năng thận ở bệnh nhân đái tháo đường Typ 2

Ảnh hưởng của mức độ hòa hợp HLA lên chức năng thận ghép sau ghép 18 tháng

Kháng thể kháng Cardiolipin trong sảy thai liên tiếp đến 12 tuần

Tỷ lệ thụ tinh và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ thuật tiêm tinh trùng vào bào tương noãn bằng tinh trùng lấy từ mào tinh

Phẫu thuật cắt bẻ cứng giác mạc (CGM) áp dụng kỹ thuật khâu chỉ rút trong điều trị bệnh Glôcôm

Chết tế bào theo chương trình đã định

**BỘ Y TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

MINISTRY OF HEALTH - HANOI MEDICAL UNIVERSITY

01. TON THAT TUNG Str, DONG DA, HA NOI, VIET NAM - TELEPHONE (84.4) 38527622



**Tap chí**  
**NGHIÊN CỨU Y HỌC**

JOURNAL OF MEDICAL RESEARCH  
Supplement, Volume 80b, N<sup>o</sup>2

**HÀ NỘI - 5/2012**



**TỔNG BIÊN TẬP**

PGS. TS. Tạ Thành Văn

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hùng

**HỘI ĐỒNG CỐ VẤN**

GS.TS. Phạm Thị Minh Đức  
GS.TSKH. Hoàng Tích Huyền  
GS.TS. Phạm Gia Khải  
GS.TSKH. Lê Nam Trà  
GS.TS. Đỗ Đức Vân  
GS.TS. Nguyễn Lân Việt  
GS.TS. Nguyễn Vượng  
PGS.TS. Đỗ Doãn Lợi  
PGS.TS. Nguyễn Văn Tường

**BAN THƯ KÝ**

BS. Phạm Thị Thanh Tân  
CN. Tống Thị Khuyên

**TRỤ SỞ BAN BIÊN TẬP**

Phòng Quản lý Khoa học - Công nghệ  
Trường Đại học Y Hà Nội  
Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội  
Fax: (84) 04.35744726  
ĐT: (84) 04.38527622  
Email: tcncyh@hmu.edu.vn

**CỘNG TÁC VIÊN**

GS. TS. Trịnh Bình  
PGS. TS. Hà Phan Hải An  
PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Chúc  
PGS. TS. Đinh Hữu Dung  
PGS. TS. Nguyễn Văn Đề  
PGS. TS. Nguyễn Thị Hà  
PGS. TS. Nguyễn Công Hoan  
PGS. TS. Trần Hiếu Học  
PGS. TS. Nguyễn Duy Huê  
PGS. TS. Trần Thị Thanh Hương  
PGS. TS. Nguyễn Trần Thị Giáng Hương  
PGS. TS. Lương Minh Hương  
PGS. TS. Nguyễn Văn Hưng  
PGS. TS. Phạm Đức Huấn  
PGS. TS. Trần Hậu Khang  
PGS. TS. Phạm Văn Phú  
PGS. TS. Nguyễn Đình Phúc  
PGS. TS. Ngô Văn Toàn  
PGS. TS. Phạm Văn Thắng  
PGS. TS. Nguyễn Xuân Thùy  
PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyền  
PGS. TS. Nguyễn Quốc Tuấn  
PGS. TS. Phạm Quang Vinh  
PGS. TS. Phạm Thị Khánh Vân  
PGS. TS. Phạm Khánh Vân  
TS. Trần Thị Chi Mai  
TS. Trần Văn Khánh

## THẺ LỆ ĐĂNG BÀI TRÊN TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU Y HỌC

Tạp chí Nghiên cứu y học là Tạp chí khoa học của Trường Đại học Y Hà Nội, xuất bản 6 số/năm, đăng tải các công trình nghiên cứu, các bài tổng quan trong lĩnh vực y học cơ sở, y học lâm sàng, y học dự phòng và y xã hội học.

I. Các yêu cầu về bài báo đăng kết quả nghiên cứu khoa học

1. Bài báo gửi đăng kết quả công trình nghiên cứu phải chưa được công bố ở bất kỳ tạp chí khoa học nào.

2. Các thuật ngữ thống nhất theo từ điển Bách Khoa Việt Nam.

3. Bài báo bắt buộc phải được chế bản bằng tiếng Việt, font Arial 13 (hệ font Unicode), khoảng cách dòng 1,5. Mỗi bài không quá 7 trang khổ A4, kể cả bảng, hình minh họa và tài liệu tham khảo. Danh từ tiếng Việt nếu được dịch từ tiếng nước ngoài phải được viết kèm theo từ nguyên gốc. Các chữ viết tắt phải có chú thích.

4. Trình tự và cách trình bày các mục trong bài báo:

a. **Đầu đề:** cần ngắn gọn nhưng thể hiện được nội dung chính của bài báo, viết chữ in, đậm, tránh bắt đầu bằng các cụm từ: nghiên cứu, khảo sát, đánh giá.

b. **Họ và tên tác giả** nơi làm việc, không ghi chức danh, học vị: Thứ tự tên các tác giả được xếp theo mức độ đóng góp đối với công trình khoa học. Nếu 2 tác giả có mức độ đóng góp như nhau thì đánh dấu sao và kèm theo chú giải. Tên tác giả chịu trách nhiệm chính về bài báo để ở cuối và kèm theo địa chỉ liên hệ (địa chỉ gửi thư và email).

c. **Tóm tắt tiếng Việt:** cần thể hiện được các kết quả chính và kết luận. Tóm tắt được trình bày trong một đoạn văn và không quá 200 từ.

d. **Từ khóa:** thể hiện được vấn đề chính mà nghiên cứu đề cập đến. Từ khóa có tối đa 6 từ hoặc cụm từ.

e. **Nội dung:** được trình bày theo các phần và đánh số La Mã từ I đến V.

**I. Đặt vấn đề:** giới thiệu mục đích nghiên cứu trong mối liên quan với các nghiên cứu khác, cùng lĩnh vực đã được làm trước đây. Không nên trình bày dưới dạng một bài tổng quan chi tiết và không nên dài quá 01 trang đánh máy.

**II. Đối tượng và phương pháp:** ngắn gọn song phải đủ thông tin để người đọc hiểu được quy trình nghiên cứu và có thể làm lặp lại được. Chỉ những quy trình mới, lần đầu thực hiện cần được mô tả chi tiết. Phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo cho các quy trình nghiên cứu này.

**III. Kết quả:** Các hình và bảng biểu được trình bày rõ ràng với các chú thích ngắn gọn. Một số kết quả không được biểu thị bằng bảng biểu có thể được diễn tả bằng đoạn văn. Mỗi bảng tối đa 10 dòng và 6 cột. Tổng số bảng và hình không nên quá 5. Ảnh được quét đưa vào đúng vị trí minh họa và phải có ảnh gốc kèm theo.

**IV. Bàn luận:** không nên quá 2 trang đánh máy, chỉ bàn luận và lý giải các kết quả thu được.

**V. Kết luận:** viết ngắn gọn, không nên liệt kê lại các kết quả của công trình nghiên cứu.

Phải có cam kết về việc tuân thủ Y đức trong nghiên cứu y sinh và cam kết không có xung đột về quyền lợi giữa các tác giả. Có thể để lời cảm ơn đơn vị tài trợ và nhà khoa học có đóng góp cho công trình.

f. **Tài liệu tham khảo:** được trích dẫn theo số, không theo tên tác giả và năm. Tài liệu được tập hợp và xếp đặt theo trình tự trích dẫn trong bài báo. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Không nên dùng luận văn, luận án, website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo. Mỗi bài báo không nên quá 15 tài liệu tham khảo, trừ bài tổng quan. Một tài liệu tham khảo được trình bày như sau: Họ và tên các tác giả được viết đầy đủ (đối với tên người Việt Nam): Tên gọi, họ và tên đệm viết tắt (đối với tên người nước ngoài). Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự), năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí (in nghiêng), tập (số) (in đậm), trang. Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự. (2010). Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi. Tạp chí nghiên cứu Y học 3, 30-37.

2. Zafar M.B., Terris M.K. Honjo T., et al. (2001). Prostate cancer detection. J. Urol. 116, 100-103.

g. Đầu đề bài báo tiếng Anh được dịch từ nguyên bản tiếng Việt.

h. Tóm tắt bằng tiếng Anh (không quá 200 từ) được dịch từ tóm tắt bằng tiếng Việt kể cả từ khoá.

II. Đối với các bài tổng quan, thông tin và bài dịch

Các bài tổng quan phải có đầy đủ các tài liệu tham khảo và nguồn gốc số liệu đã được trích dẫn. Tác giả bài tổng quan cần ghi rõ chức danh, học vị, chuyên ngành, cơ quan hoặc hội chuyên khoa ở phần ghi chú cuối trang đầu tiên của bài. Bài tổng quan cũng được soạn thảo theo định dạng và các yêu cầu của bài báo khoa học. Tác giả viết bài tổng quan được trả nhuận bút theo quy định của Nhà trường.

III. Quy trình xét duyệt

Mỗi bài báo sẽ được Ban biên tập gửi phản biện kín tới 02 chuyên gia am hiểu về nội dung của bài báo căn cứ vào các chuẩn mực khoa học và chất lượng của các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu cũng như văn phong. Quyết định của Ban biên tập về bài báo sẽ được đưa ra sau 01 tháng, kể từ khi nhận bài. Mỗi tác giả đứng tên đầu của bài báo chỉ được đăng tối đa là một bài trong một số của tạp chí. Bài báo không được đăng sẽ không được trả lại bản thảo.

Bài báo được gửi tới trụ sở của Tạp chí: Phòng Quản lý Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội; hoặc gửi bản thảo điện tử tới: tcncyh@hmu.edu.vn hay tác giả có thể gửi thông qua các thành viên Ban biên tập.

IV. Lệ phí

Lệ phí 800 ngàn Việt Nam đồng đối với một bài báo tối đa 7 trang đánh máy. Sau đó, thêm mỗi trang phải nộp thêm 100 ngàn. Những bài báo có hình hoặc bảng biểu màu sẽ có lệ phí riêng. Tác giả tên đầu sẽ được nhận 01 tạp chí, mỗi thành viên sẽ được nhận 01 bản in gốc.

Lệ phí đăng được nộp trực tiếp cho Ban Thư ký Tạp chí.

**Tác giả chịu trách nhiệm trước Ban biên tập, công luận và những quy định liên quan đến Luật báo chí và Quyền tác giả**

*(Chú ý: Quy chế này sẽ được áp dụng chính thức từ số 4 năm 2012)*

## MỤC LỤC

### SỐ 3B PHỤ TRƯỞNG 80

1. Phát triển kỹ thuật RT – LAMP chẩn đoán virus dại 1  
*Initial development of RT – LAMP technique for rabies virus diagnosis*  
**Nguyễn Vĩnh Đông, Ngô Châu Giang, Nguyễn Tuyết Thu, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Satoshi Inoue, Akio Yamada, Nguyễn Thị Kiều Anh**
2. Xây dựng quy trình PCR đa mồi xác định sự methyl hóa promoter của gen EBNA1 8  
*Multiplex PCR for promoter methylation of EBNA1 gene*  
**Nguyễn Thị Hồng Gấm, Bùi Công Toàn, Nguyễn Văn Đô**
3. Đột biến gen COL1A2 ở bệnh nhi tạo xương bất toàn 13  
*Mutation analysis of COL1A2 in osteogenesis imperfecta patients*  
**Bùi Thị Hồng Châu, Nguyễn Thu Thúy, Ôn Quang Phóng, Trần Văn Khánh, Hồ Cẩm Tú, Nguyễn Thị Hà, Tạ Thành Văn**
4. Nồng độ Cystatin C máu và chức năng thận ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 17  
*Serum cystatin C and renal function in type 2 diabetic patients*  
**Nguyễn Thị Lý, Trần Thị Chi Mai**
5. Phân tích nhiễm sắc thể ở 350 cặp vợ chồng sảy thai liên tiếp và sinh con bị dị tật bẩm sinh 24  
*Chromosomal analysis in 350 couples with recurrent spontaneous abortions and congenital malformation offspring*  
**Nguyễn Văn Rực, Lê Thúy Hằng, Nguyễn Ngân Hà, Đặng Thị Nhâm**
6. Ảnh hưởng của mức độ hòa hợp HLA lên chức năng thận ghép sau ghép 18 tháng 28  
*Impact of degree of HLA matching on graft function 18 months after kidney transplantation*  
**Hà Phan Hải An, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Minh Tuấn, Nguyễn Thị Thủy**
7. Sự biến đổi protein niệu trong hội chứng thận hư tiên phát tái phát ở trẻ em 34  
*The change of quantity of proteinuria in children with relapse of primary nephrotic syndrome*  
**Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Yến**
8. Hiệu quả của Gammaglobulin trong điều trị hội chứng Guillain-Barre ở trẻ em 39  
*Effect of Gammaglobulin in treatment of Guillain-Barre' syndrome in children*  
**Phạm Văn Đэм, Nguyễn Văn Thắng**
9. Kháng thể kháng Cardiolipin trong sảy thai liên tiếp đến 12 tuần 45  
*Anticardiolipin antibodies in recurrent pregnancy loss within 12 weeks*  
**Lê Thị Anh Đào, Cung Thị Thu Thủy, Nguyễn Việt Tiến**



- |     |  |    |
|-----|--|----|
| 10. | Phân tích nhiễm sắc thể ở 85 trường hợp mắc hội chứng Turner<br><i>Chromosome analysis in 85 cases with Turner's syndrome</i><br><br><b>Nguyễn Văn Rực</b>   | 51 |
| 11. | Phát hiện đảo đoạn quanh tâm nhiễm sắc thể số 9 ở các cặp vợ chồng bất thường sinh sản hoặc nguy cơ cao sinh con dị tật bẩm sinh<br><i>Detection of pericentric inversion of chromosome 9 from the couples who have problems reproductive or high risk of abnormal offspring</i><br><br><b>Phan Thị Hoan, Hoàng Thị Ngọc Lan, Nguyễn Ngân Hà</b> | 55 |
| 12. | Giá trị của xét nghiệm tốc độ máu lắng trong chẩn đoán ung thư phế quản tại bệnh viện K<br><i>Value of erythrocyte sedimentation rate test in diagnosis of bronchial cancer at K hospital</i><br><br><b>Bùi Công Toàn</b>  | 61 |
| 13. | Đo điện cơ ở những người sau chấn thương được giám định tại viện Pháp y Quốc gia từ năm 2009 - 2011<br><i>Electromyography of victims after injury who have been assessed at the national institute of forensic medicine from 2009-2011</i><br><br><b>Nguyễn Hồng Long, Ngô Hoàng Dũng, Nguyễn Đức Nhựt</b>                                      | 67 |
| 14. | Hiệu quả của linh hoàng thang đối với MMP - 9 và mRNA MMP - 9 trên mô hình chuột xuất huyết não<br><i>Effect of Linh hoang decoction on MMP9 and mARN MMP9 of intracerebral hemorrhage rat model</i><br><br><b>Nguyễn Thị Thu Hà, Dương Trọng Nghĩa,</b>   | 72 |
| 15. | Nghiên cứu tác dụng của linh hoàng thang đối với tổn thương vi thể ở chuột xuất huyết não<br><i>Effect of linh hoang decoction on microscopic injuries in the rat model of intracerebral haemorrhage</i><br><br><b>Dương Trọng Nghĩa, Nguyễn Thị Thu Hà</b>  | 76 |
| 16. | Ảnh hưởng của Acetylcystein và Cimetidin đến tổn thương gan do Paracetamol gây ra trên thực nghiệm<br><i>Effect of n-Acetylcystein in combine with Cimetidine on liver damage in intoxicated mice with Paracetamol</i><br><br><b>Nguyễn Trọng Thông, Bùi Thị Hương Thảo, Đinh Quang Trường, Phạm Thị Vân Anh</b>                                 | 83 |
| 17. | Viêm màng não do Cryptococcus neoformans trên bệnh nhân AIDS<br><i>Cryptococcal meningitis in AIDS patients</i><br><br><b>Hoàng Thị Thanh Tú, Nguyễn Văn Kính</b>  | 88 |
| 18. | Đặc điểm về trí nhớ hình ảnh và trí nhớ từ trên bệnh nhân động kinh người trưởng thành<br><i>Characteristic of Study on image and word memory in the adults with epilepsy</i><br><br><b>Nguyễn Văn Hương, Nguyễn Kim Việt, Lê Quang Cường</b>  | 93 |

- |     |   |     |
|-----|---|-----|
| 19. | Loãng xương ở phụ nữ trên 40 tuổi<br><i>Of steoporosis research in over 40 - year- old women at National Hospital of Obstetric and Gynecology</i>   | 100 |
|     | <b>Cung Thị Thu Thủy, Trần Thị Thu Hạnh</b>   |     |
| 20. | Hiệu quả giảm đau sau mổ nội soi cắt vòi trứng có khối chửa bằng bơm Bupivacain vào ổ bụng và gây tê chỗ rạch da<br><i>Pain relief effect of intraperitoneal and local bupicavain infiltrations after laparoscopic procedures for extopic pregnancy</i> | 105 |
|     | <b>Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Thọ, Nguyễn Hữu Tú</b>  |     |
| 21. | Biến chứng của phẫu thuật điều trị bong võng mạc sau chấn thương<br><i>Complications of traumatic retinal detachment after surgery</i>  | 111 |
|     | <b>Đỗ Như Hôn</b>   |     |
| 22. | Phân loại tổn thương và đánh giá kết quả điều trị màng dính mép trước dây thanh tại bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương<br><i>Lessions classification and evaluation on the treatment results of anterior laryngeal webs at National ENT hospital</i>     | 116 |
|     | <b>Hoàng Đình Ngọc, Quách Thị Cần</b>   |     |
| 23. | Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học u nang và rò giáp lưỡi<br><i>Clinical features and histopathology of thyroglossal duct cyst and fistula</i>  | 121 |
|     | <b>Lê Minh Kỳ và CS</b>   |     |
| 24. | Phân loại và mức độ nghe kém trong dị dạng ống tai ngoài bẩm sinh<br><i>Classification on hearing loss relation to congenital aural atresia</i>   | 126 |
|     | <b>Cao Minh Thành</b>   |     |
| 25. | Phẫu thuật điều trị ngắn ối ở trẻ em<br><i>Surgical treatment of congenital constriction ring in children</i>   | 131 |
|     | <b>Nguyễn Ngọc Hưng</b>   |     |
| 26. | Kết quả điều trị phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt thận bệnh lý mất chức năng<br><i>Outcomes of retroperitoneoscopic nephrectomy for nonfunctioning kidneys</i>   | 137 |
|     | <b>Chu Văn Lâm, Hoàng Long</b>  |     |
| 27. | Phẫu thuật nội soi đặt Catheter ổ bụng để thăm phân phúc mạc<br><i>Laparoscopic peritoneal catheter placement</i>   | 145 |
|     | <b>Phạm Việt Hà, Nguyễn Ngọc Bích, Trần Hữu Vinh, Trần Hiếu Học</b>   |     |
| 28. | Kết quả phẫu thuật thay khớp gối với kỹ thuật “Gap technique” cải tiến<br><i>The postoperative results of total knee replacement with modified Gap technique</i>  | 151 |
|     | <b>Trần Trung Dũng</b>  |     |
| 29. | Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật hẹp niệu quản theo phương pháp Lich -Grégoir<br><i>Outcomes of Lich-Gregoir ureterovesical reimplantation techniques for distal ureteral stricture</i>   | 156 |
|     | <b>Vũ Nguyễn Khải Ca , Hoàng Long</b>   |     |

- |     |   |     |
|-----|---|-----|
| 30. | Tác dụng cải thiện chức năng sinh hoạt hàng ngày của tiêm Depomedrol ngoài màng cứng trong điều trị đau thần kinh hông do thoát vị đĩa đệm<br><i>The effect of the improvement of daily activities function of the epidural injection Depomedrol in the treatment the sciatica due to herniated lumbar disc</i><br><b>Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Văn Liệu</b> | 163 |
| 31. | Chỉ định và kỹ thuật phẫu thuật nội soi khớp hông<br><i>Hip arthroscopy: indication and technique</i><br><b>Trần Trung Dũng</b>   | 167 |
| 32. | Tỷ lệ thụ tinh và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ thuật tiêm tinh trùng vào bào tương noãn bằng tinh trùng lấy từ mào tinh<br><i>Fertilization rate and factors affecting the micromanipulation of intra cytoplasmic sperm injection with sperm aspirated from epydidymis</i><br><b>Hồ Sỹ Hùng, Trần Thị Phương Mai</b>   | 171 |
| 33. | Phát hiện dị tật bẩm sinh thần kinh trung ương qua siêu âm<br><i>Detection of neural tube defects via ultrasonography in National hospital for Obstetric and Gynecology</i><br><b>Lưu Thị Hồng, Phạm Quang Vinh</b>   | 176 |
| 34. | Đặc điểm lâm sàng của bệnh viêm bì cơ tại bệnh viện Da liễu Trung ương<br><i>Clinical characteristics of dermatomyositis at the National hospital Dermatology and Venereology</i><br><b>Phạm Thị Lan, Vũ Thị Thanh Hương</b>  | 181 |
| 35. | Một số yếu tố có liên quan đến nhiễm HPV ở phụ nữ có tế bào âm đạo - cổ tử cung bất thường, tại bệnh viện Phụ sản Trung Ương.<br><i>Factors related to HPV infection in patients with abnormal vaginal cervical cytology at National Hospital of Gynecology Obstetric</i><br><b>Cung Thị Thu Thủy, Phạm Thị Hồng Vân</b>                                    | 186 |
| 36. | Nhiễm trùng đường sinh dục theo thời gian tại 10 tỉnh/thành phố được giám sát trọng điểm trong giai đoạn 2006 - 2010<br><i>The prevalence of sexually transmitted infections (STIs) in 10 provinces/cities sentinel surveillance followed time during 2006 - 2010</i><br><b>Phạm Thị Lan, Nguyễn Duy Hưng</b>   | 193 |
| 37. | Phân lập các chủng virus HPV gây u nhú phổ biến tại Thái Nguyên năm 2011<br><i>Common cervical Human Papilloma virus infection in Thai Nguyen 2011</i><br><b>Vũ Thị Hoàng Lan</b>   | 200 |
| 38. | Tế bào học cổ tử cung bất thường ở phụ nữ được soi cổ tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương<br><i>Abnormal cervical cytology of the patients had colposcopy at National Hospital for obstetric and Gynecology</i><br><b>Cung Thị Thu Thủy, Trần Thị Thanh Hồng</b>   | 204 |

- |     |   |     |
|-----|---|-----|
| 39. | <p>Đồng nhiễm HIV và viêm gan B, C tại phòng khám ngoại trú HIV - bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương</p> <p><i>HBV and HCV co-infection among HIV/AIDS patients in HIV OPC at the National hospital of Tropical Diseases</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Bùi Vũ Huy , Kanxay Vernavong.</b></p>   | 211 |
| 40. | <p>Mô hình quản lý chống đông do bệnh nhân thay van tim tự thực hiện tại nhà theo tư vấn từ xa của bác sĩ</p> <p><i>The PST/PSM anticoagulation at home for mechanical heart valve replacement under remote supervision of doctors</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Nguyễn Quốc Kính</b></p>  | 215 |
| 41. | <p>Kiến thức và thực hành sức khỏe sinh sản của vị thành niên tại huyện Phú Lương, Thái Nguyên</p> <p><i>Knowledge and practices on reproductive health among adolescents in Phu Luong district, Thai Nguyen</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Phương Hoa</b></p>   | 222 |
| 42. | <p>Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi và một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 24 tháng</p> <p><i>Situation of stunting and it's related factors in children under 24 months of age in some provinces in Vietnam</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Trần Thúy Nga, Lê Danh Tuyên</b></p>   | 228 |
| 43. | <p>Hiệu quả bổ sung gói cốm giàu lyzin và vi chất dinh dưỡng đến bệnh tiêu chảy và nhiễm khuẩn hô hấp ở trẻ em 6 - 12 tháng tuổi</p> <p><i>Effects of using riches in lyzine-micronutrient on diarrhea and respiratory infections in infant aged 6 - 12months</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Nguyễn Thị Hải Hà, Nguyễn Xuân Ninh, Nguyễn Đỗ Huy</b></p>     | 234 |
| 44. | <p>Tình trạng thiếu máu, nhiễm khuẩn hô hấp và một số yếu tố liên quan của học sinh tiểu học</p> <p><i>Anemia and some related factors in primary school children</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Lê Danh Tuyên</b></p>  | 241 |
| 45. | <p>Thực hành nuôi dưỡng trẻ dưới 24 tháng tuổi</p> <p><i>Children under 24 months feeding practice</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Phạm Văn Phú, Lê Danh Tuyên</b></p>   | 247 |
| 46. | <p>Dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ 0-36 tháng tuổi tại các huyện đồng bằng ven biển tỉnh Khánh Hòa</p> <p><i>Risk factors of malnutrition in children 0 - 36 months of age in the coastal plain districts of Khanh Hoa province</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Trần Thị Tuyết Mai, Lê Thị Hợp, Vũ Hoàng Lan</b></p> | 254 |

- |     |   |     |
|-----|---|-----|
| 47. | Hiệu quả của bổ sung đồ uống Milo đến tình trạng dinh dưỡng, thể lực và trí lực của trẻ em 7 - 8 tuổi<br><i>Effects of milo drink on nutritional status, physical endurance, cognitive performance of children aged 7 - 8 y olds</i><br><b>Dương Văn Tú, Nguyễn Xuân Ninh</b>   | 260 |
| 48. | Một số tập tính nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ dân tộc Dao có con dưới 24 tháng tại xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn<br><i>Breast feeding practices of Dao ethnic minority mothers with under 24 months children in Tan son commune, New market districts , Backan province</i><br><b>Hà Thị Thu Trang, Trần Thị Phúc Nguyệt</b> | 266 |
| 49. | Dinh dưỡng của trẻ em tiểu học ở một số xã thuộc 3 tỉnh Bắc Giang, Hưng Yên và Bắc Ninh<br><i>Nutritional status and related factors among primary school children in Bac Giang, Hung Yen and Bac Ninh provinces</i><br><b>Lê Danh Tuyên</b>  | 271 |
| 50. | Bệnh da và bệnh phong tại 4 xã huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa<br><i>Skin diseases and leprosy in four communes of Van Ninh district, Khanh Hoa province</i><br><b>Nguyễn Duy Hưng</b>   | 277 |
| 51. | Nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục ở một số nhóm đối tượng dân cư tại tỉnh Quảng Ninh<br><i>The prevalence of some Sexually Transmitted Infections (STIs) in Quang Ninh province</i><br><b>Nguyễn Duy Hưng, Phạm Thị Lan</b>   | 282 |
| 52. | Nguyên nhân tử vong ở Việt Nam: kết quả điều tra bằng phương pháp phỏng vấn<br><i>Death pattern in Vietnam: findings from a national verbal autopsy survey</i><br><b>Nguyễn Phương Hoa và Phạm Thị Lan</b>  | 288 |
| 53. | Kiến thức của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ về nhiễm khuẩn đường sinh sản<br><i>Knowlegde of women at reproductive age about reproductive tract infections</i><br><b>Phạm Thị Lan, Nguyễn Phương Hoa</b>   | 295 |
| 54. | Nhiễm giun truyền qua đất trên học sinh tiểu học trường Y wang thành phố Buon Ma Thuột, Daklak năm 2010<br><i>Prevalence of soil transmitted helminthiasis in school children of school Y wang in Buon Ma Thuot – Daklak 2010</i><br><b>Nguyễn Ngọc Xuân, Phan Tấn Hùng</b>   | 302 |
| 55. | Chi phí của bệnh nhân suy thận mạn giai đoạn cuối điều trị bằng lọc màng bụng tại nhà và bằng lọc thận nhân tạo tại cơ sở y tế<br><i>Costs of end stage renal failure patients treated by home peritoneal dialysis and hospital haemodialysis</i><br><b>Phan Văn Bá, Phạm Huy Tuấn Kiệt</b>   | 307 |

56. Năng lực thực hiện thủ thuật cấp cứu, chống độc, nội khoa và nhi khoa giữa trạm y tế xã/ phường có và không có bác sĩ tốt nghiệp chuyên khoa I – Y học Gia đình 313  
*Ability for implementation of intensive care, toxicological care, internal medicine and pediatric interventions between commune health centers with and without doctor Specialty level I in Family Medicine*  
**Phạm Huy Tuấn Kiệt, Nguyễn Phương Hoa - Đại học Y Hà Nội**
57. Liên quan giữa điểm tuyển sinh với kết quả học tập của sinh viên trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa - Đại học Y Hà Nội, khóa 2004 - 2010 318  
*Relationship between national college admission test subscores and students' academic performance in the 6 year program for medical doctor degree, Hanoi Medical University, 2004 - 2010*  
**Phạm Trí Hiếu, Nguyễn Thùy Linh, Đỗ Thị Hương, Nguyễn Hoàng Giang  
 Bùi Mỹ Hạnh, Nguyễn Hữu Tú, Nguyễn Trần Thị Giáng Hương**
58. Phản hồi của sinh viên trước và sau khi áp dụng mô hình đổi mới dạy học thực hành cộng đồng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa của trường Đại học Y Hà Nội 324  
*Students' feedback before and after the application of a new field teaching model for medical doctor students at the Hanoi Medical University*  
**Kim Bảo Giang, Nguyễn Văn Hiến, Nguyễn Hữu Tú, Hoàng Văn Minh, Lê Thị Tài**
59. Sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh và hiểu biết về dịch vụ xã hội của người cao tuổi tại An Lão, huyện Bình Lục, Hà Nam năm 2011 330  
*Use of health service and understanding of social service among elderly people in An Lao, Binh Luc district, Ha Nam in 2011*  
**Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Phương Hoa**
60. Thực trạng hút thuốc lá và tỷ lệ mắc một số bệnh liên quan trong nhóm người hút thuốc tại huyện Ba Vì năm 2010 338  
*Smoking and rate of some related diseases among smokers in Ba Vi district in 2010*  
**Nguyễn Phương Hoa và Phạm Thị Lan**
61. U cuộn mạch dưới móng: nhân 5 trường hợp 345  
*Glomus tumor: diagnosis and treatment*  
**Trần Trung Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Liễu, Trịnh Tiên Phong**
62. Phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (CGM) áp dụng kỹ thuật khâu chỉ nút trong điều trị bệnh Glôcôm 350  
*Trabeculectomy with releasable sutures in the treatment of Glaucoma*  
**Cát Vân Anh**
63. Chết tế bào theo chương trình đã định 355  
*Programmed cell death - APOPTOSIS*  
**Đỗ Trung Phấn**

- |     |   |     |
|-----|---|-----|
| 64. | <p>Nghiên cứu tình hình, đặc điểm lâm sàng bệnh da/ niêm mạc và STIs ở người nhiễm HIV/AIDS tại Trung tâm Da liễu Hải Phòng từ 7/2008 đến 8/2010</p> <p><i>The clinical features of atopic dermatitis children examined at Hanoi Dermatology Hospital</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Đào Mạnh Khoa, Vũ Thị Hương, Nguyễn Sỹ Hóa</b></p> | 361 |
| 65. | <p>Kết quả điều trị ung thư dương vật bằng phẫu thuật MOHS tại bệnh viện Da liễu Trung ương</p> <p><i>Results of penile cancer surgery treatment by MOHS' at the National Hospital of Dermatology and Venereology</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Nguyễn Sỹ Hóa</b></p>  | 368 |
| 66. | <p>Kết quả ban đầu của phẫu thuật bướu giáp nhân bằng sử dụng dao cắt đốt siêu âm</p> <p><i>Earlier results of thyroidectomy by Harmonic scalpel for nodular goiter</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Trần Ngọc Lương</b></p>  | 373 |
| 67. | <p>Phẫu thuật ung thư tuyến giáp bằng dao cắt siêu âm</p> <p><i>The results of thyroid carcinoma operated by harmonic scalpel</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Trần Ngọc Lương</b></p>  | 378 |
| 68. | <p>Đặc điểm lâm sàng của viêm da cơ địa ở trẻ em đến khám tại bệnh viện Da liễu Hà Nội</p> <p><i>The clinical features of atopic dermatitis children examined at Hanoi Dermatology Hospital</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Nguyễn Duy Hưng</b></p>  | 383 |
| 69. | <p>Phẫu thuật cắt bè cứng giác mạc (CGM) áp dụng kỹ thuật khâu chỉ rút trong điều trị bệnh Glôcôm</p> <p><i>Trabeculectomy with releasable sutures in the treatment of Glaucoma</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Cát Vân Anh</b></p>  | 391 |
| 70. | <p>Chết tế bào theo chương trình đã định</p> <p><i>Programmed cell death - APOPTOSIS</i></p> <p style="text-align: right;"><b>Đỗ Trung Phấn</b></p>   | 399 |